

TỈNH ỦY HÀ TĨNH  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

\*

KẾT QUẢ BÀI THI HẾT PHẦN HỌC: KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 189 - NGÂN HÀNG

| TT | Họ và tên       |       | Số BD | Điểm    |          | Ghi chú |
|----|-----------------|-------|-------|---------|----------|---------|
|    |                 |       |       | Bảng số | Bảng chữ |         |
| 1  | Nguyễn Thị Trâm | Anh   | 01    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 2  | Nguyễn Thị Vân  | Anh   | 02    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 3  | Nguyễn Thị      | Anh   | 03    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 4  | Đặng Tuấn       | Anh   | 04    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 5  | Phan Thị Nguyệt | Ánh   | 05    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 6  | Phạm Hải        | Bằng  | 06    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 7  | Nguyễn Đình     | Bính  | 07    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 8  | Lê Thanh        | Bình  | 08    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 9  | Trần Đình       | Chiến | 09    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 10 | Nguyễn Thành    | Công  | 10    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 11 | Dương Hải       | Đặng  | 11    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 12 | Võ Văn          | Đặng  | 12    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 13 | Lê Hoàng        | Đồng  | 13    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 14 | Đinh Tiến       | Dũng  | 14    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 15 | Trần Thị Hải    | Đường | 15    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 16 | Lê Thị Thu      | Hà    | 16    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 17 | Phan Thanh      | Hải   | 17    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 18 | Lê Duy          | Hải   | 18    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 19 | Trương Thị Thúy | Hằng  | 19    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 20 | Trần Thị Thu    | Hằng  | 20    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 21 | Võ Thanh        | Hiệp  | 21    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 22 | Lê Sỹ           | Hiếu  | 22    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 23 | Trần Thị Thúy   | Hoa   | 23    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 24 | Nguyễn Quang    | Hòa   | 24    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 25 | Nguyễn Văn      | Hoan  | 25    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 26 | Lê              | Hoàng | 26    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 27 | Nguyễn Hữu      | Hoàng | 27    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 28 | Nguyễn          | Hùng  | 28    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |





| TT | Họ và tên         |       | Số BD | Điểm    |          | Ghi chú |
|----|-------------------|-------|-------|---------|----------|---------|
|    |                   |       |       | Bảng số | Bảng chữ |         |
| 29 | Nguyễn Mạnh       | Hùng  | 29    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 30 | Hoàng Mạnh        | Hùng  | 30    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 31 | Phan              | Hưng  | 31    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 32 | Nguyễn Phi        | Hưng  | 32    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 33 | Hà Thị            | Hương | 33    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 34 | Trần Quốc         | Hữu   | 34    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 35 | Võ                | Huy   | 35    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 36 | Nguyễn Thị Khánh  | Khánh | 36    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 37 | Lê Đình           | Khánh | 37    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 38 | Lê Quốc           | Khánh | 38    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 39 | Lê Văn            | Khôi  | 39    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 40 | Trần Thị          | Linh  | 40    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 41 | Đoàn Phương       | Linh  | 41    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 42 | Bùi Thị Bích      | Lộc   | 42    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 43 | Trần Quốc         | Long  | 43    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 44 | Nguyễn Thanh      | Lương | 44    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 45 | Võ Thị Minh       | Lý    | 45    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 46 | Nguyễn Thị Thanh  | Mai   | 46    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 47 | Hoàng Ngọc        | Minh  | 47    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 48 | Nguyễn Thị Thúy   | Nga   | 48    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 49 | Nguyễn Thị        | Nga   | 49    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 50 | Bùi Hồng          | Quân  | 51    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 51 | Lê Xuân           | Quý   | 52    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 52 | Hồ Ngọc           | Quyển | 53    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 53 | Phan Đăng         | Quyết | 54    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 54 | Phạm Thị Hồng     | Soa   | 55    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 55 | Nguyễn Hữu        | Son   | 56    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 56 | Phan Trọng        | Tài   | 57    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 57 | Trần Thị Thanh    | Tâm   | 58    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 58 | Bùi Quang         | Thái  | 59    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 59 | Trần Thị          | Thân  | 60    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 60 | Nguyễn Thị Phương | Thảo  | 61    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 61 | Trần Minh         | Thi   | 62    | 8,0     | Tám điểm |         |



| TT | Họ và tên      |       | Số BD | Điểm    |          | Ghi chú |
|----|----------------|-------|-------|---------|----------|---------|
|    |                |       |       | Bảng số | Bảng chữ |         |
| 62 | Phan Hưng      | Thọ   | 63    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 63 | Hoàng Thị Ngọc | Thu   | 64    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 64 | Lê Thị Hà      | Thu   | 65    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 65 | Hoàng Đình     | Thụ   | 66    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 66 | Lương Hữu      | Thuận | 67    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 67 | Nguyễn Đình    | Tráng | 68    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 68 | Nguyễn Như     | Trình | 69    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 69 | Lê Thanh       | Trung | 70    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 70 | Trương Quang   | Trung | 71    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 71 | Phan Thị Cẩm   | Tú    | 72    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 72 | Nguyễn Anh     | Tuấn  | 73    | 7,0     | Bảy điểm |         |
| 73 | Cao Thị Hải    | Yến   | 74    | 8,0     | Tám điểm |         |
| 74 | Nguyễn         | Quý   | 75    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 75 | Thái Văn       | Thành | 76    | 7,5     | Bảy rưỡi |         |

Danh sách này gồm: 75 học viên

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 02 năm 2025

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Bùi Thị Thủy

TRƯỞNG PHÒNG  
QLĐT VÀ NCKH

Nguyễn Xuân Bé

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Tứ